

HỘI AN

thời chúa Nguyễn & Tây Sơn

Đỗ Bang

“...Làng mạc Hội An ra đời từ thời Lê, đến thế kỷ XVII dưới thời các chúa Nguyễn, Hội An là đô thị phát triển, trung tâm thương mại thịnh vượng của đất nước. Dưới thời quân Trịnh- Tây Sơn- Nguyễn Ánh, Hội An là nơi đóng quân của cấp chỉ huy, nên ở đây đã xảy ra các trận đánh ác liệt, đô thị Hội An bị tàn phá, kinh tế thương nghiệp sa sút, làm ảnh hưởng đến sự phát triển của thương cảng Hội An...”.

1. Hội An thời chúa Nguyễn

Trong buổi đầu mở đất Đại Việt đến giữa thế kỷ XVI, sách *Ô châu cận lục* đã cho biết⁽¹⁾ trên phạm vi thành phố Hội An đã thành lập hai làng Hoài Phố⁽²⁾ và Cẩm Phố⁽³⁾.

Dưới thời chúa Nguyễn, theo sách *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn đã có các làng: Làng Hoa Phố⁽⁴⁾ và phường Đông An thuộc tổng Uất Lũy, huyện Diên Khánh; làng Tân Hợp⁽⁵⁾ thuộc

tổng Phúc Long, huyện Tân Phúc; các làng Thanh Châu, Đế Vông, Cổ Trai thuộc huyện Duy Xuyên⁽⁶⁾. Sau này khảo sát văn bia ở động Hoa Nghiêm tại Ngũ Hành Sơn cho biết thêm làng Hội An cũng được thành lập dưới thời chúa Nguyễn vào năm 1640⁽⁷⁾.

Tình hình ruộng đất thành phố Hội An thời chúa Nguyễn cơ bản được bảo lưu vào đầu triều Nguyễn qua thống kê trong *Địa bạ Gia Long* năm 14 (1813), diện tích ruộng đất của các làng và đất

sản xuất nông nghiệp được thể hiện như sau:

Trong thống kê ruộng đất 14 làng còn địa bạ đầu thế kỷ XIX trên đất Hội An chỉ có 4 làng nông nghiệp truyền thống lâu đời là có ruộng công là Cẩm Phố, Thanh Hà, Hoa Phố và An Mỹ. Tuy nhiên, chỉ có làng Cẩm Phố có ruộng công nhiều hơn ruộng tư với tỷ lệ 140,42%, còn các làng Thanh Hà 65,29%, Hoa Phố 50%, An Mỹ 7,54% có tỷ lệ ruộng công ít hơn ruộng tư. Các làng Thanh

Stt	Các làng	Công điền	Tư điền	Công thổ	Tư thổ	Đất phi nông nghiệp	TC Diện tích ruộng đất	% đất SXNN
1	Hội An ⁽⁸⁾	0	0	46.1.11.5	2.4.11.6	48.7.3.1	48.6.8.1	0
2	Hoa Phố	61.3.14.2	122.2.19	22.2.1.7.2	82.2.0.3	82.4.14.5	302.6.1.4.5	72,77
3	Minh Hương	0	0	0	17.7.10.9	17.7.10.9	17.7.10.9	0
4	Cẩm Phố	156.6.9.5	111.5.9.3	251.9.10.0	28.2.10.7	251.9.10.0	648.1.9.5	61,12
5	Phong Hộ/ Diêm Hộ	0	0	7.7.7.0	0	7.7.7.0	7.7.7.0	0
6	An Mỹ	4.4.7.5	58.3.2.4	0	0	4.0.0.0	62.7.9.9	96,63
7	Thanh Hà	190.3.1.5	291.4.15.9	1833.4.2.0	5.5.0.1	1833.4.2.0	2295.9.14.9	20,17
8	Đông An	0	0	6.4.14.2.9	1.3.3.5	6.4.14.2.9	7.8.2.7.9	17,95
9	Hòa An	0	0	14.9.15	15.0.0.0	14.9.15	30.0.0.0	50,00
10	Tân An	0	0	16.0.0.0	4.0.0.0	16.0.0.0	20.0.0.0	75,00
11	Đế Vông ⁽⁹⁾	0	2.9.8.6	21.5.0.0	0	21.5.0.0	24.4.8.6	12,25
12	Thanh Châu	0	367.3.11.2	41.3.5.0	0.4.7.5	41.3.5.0	409.1.8.7	89,91
13	Tân Hiệp	0	16.8.30	37.9.5.0	0	11.1.2.0	27.9.5.0	60,22
14	Kim Bồng ⁽¹⁰⁾	0	0	80.9.13.8.5	518.4.3.1.5	80.9.13.8.5	544.9.4.6.5	86,54

駕幸廣南營城者老拜賀者五百餘人賞之錢二千	緡有二人百餘歲加賞各銀一兩衣一襲又	有士人陳德合陳化安獻太平十策令禮部	閱奏其言無可采遂寢不報	壬寅	駕幸會安鋪錫明香民銀稅十之五過關公祠賜銀	三百兩天妃祠賜銀一百兩過海洲政	其民新建寺名福海寺勅營臣製扁額給之	大南實錄正編第二紀卷三十三	尋迴鑾	癸卯	駕至海雲山間	皇太后聖體違和	帝倍道兼行戊刻抵京卽入請安	皇太后聖體已於是日安好	帝大喜乃親諭示羣臣曰朕惟廣南乃近畿之地河	道海臺兩縈宵旰命駕南巡原擬閱視此地方
----------------------	-------------------	-------------------	-------------	----	----------------------	-----------------	-------------------	---------------	-----	----	--------	---------	---------------	-------------	----------------------	--------------------

Bản sách Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ ghi chép về việc vua Minh Mệnh đến phủ Hội An thu thuế cho dân Minh Hương. Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV/Một bản triều Nguyễn

Châu, Tân Hiệp, Đế Vông chỉ có ruộng tư có lẽ do được khai phá lập làng muộn hơn vào thời chúa Nguyễn. Nhiều làng không có ruộng canh tác nông nghiệp là Hội An, Minh Hương do hoạt động mua bán, còn các làng khác do khai thác thủy sản, làm muối hoặc làm nghề thủ công như Phong Hộ, Đông An, Hòa An, Tân An, Kim Bồng. Các làng đều có đất công để làm nhà lập vườn, riêng dân làng Minh Hương muốn làm nhà phải mua đất để xây cất. Làng có đất tư nhiều là Kim Bồng 518 mẫu 4.3.1.5, chiếm tỷ lệ cao so với đất công là 639, 50%, Hoa Phố 370,27% là do mua bán tạo lập. Đất không có khả năng sản xuất nông nghiệp là cát trắng, cơ sở tín ngưỡng, mộ địa chiếm tỷ lệ khá lớn trong các làng Thanh Hà, Hội An, Minh Hương, Phong Hộ. Do vậy, phần lớn các làng còn lại đều có đất sản xuất nông nghiệp theo diện tích và tỷ lệ có quy mô từ lớn đến nhỏ là Cẩm Phố, Hoa Phố, An Mỹ, Thanh Châu, Thanh Hà, Kim Bồng, Tân An, Hòa An, Tân Hiệp, Đông An, Đế Vông với

nghề trồng lúa, hoa màu và các cây lương thực khác.

Dân cư các làng Phong Hộ (Diêm Hộ) làm nghề muối, dân các làng Đông An, Hòa An, Tân An, Đế Vông đánh bắt và chế biến thủy sản.

Là một trung tâm thương mại lớn nhất của Đàng Trong nên Hội An dưới thời chúa Nguyễn là nơi phát tích nhiều nghề thủ công để cung ứng cho thị trường trong nước và quốc tế, trong đó có các nghề khai thác yến sào của dân làng Thanh Châu. Yến làm tổ ở Cù Lao Chàm.

Nghề khai thác yến sào Thanh Châu trở thành thương hiệu mạnh dưới thời chúa Nguyễn. Đội Thanh Châu thời chúa Nguyễn còn có nhiệm vụ khai thác yến sào trên các vùng hải đảo ở Đàng Trong. Sách *Phủ biên tạp lục* cho biết: “Phủ Quy Nhơn thì các cửa biển Tân Quan, Thời Phú, Nước Ngọt, Nước Mặn đều có đảo, nhiều yến sào, lập đội Thanh Châu để lấy”⁽¹¹⁾.

Nguồn thuế thu được từ đội yến sào Thanh Châu khá dồi dào,

Lê Quý Đôn cho biết: Xã Thanh Châu có nghề lấy yến sào, dân xã Thanh Châu cũng tản cư ở các phủ: Điện Bàn, Quy Nhơn, Phú Yên, Bình Khang, Diên Khánh, Gia Định để làm nghề lấy yến sào và phải đóng thuế⁽¹²⁾.

Nghề đóng ghe bầu là một nghề rất đặc trưng của người thợ mộc xứ Quảng trong đó có bàn tay người thợ Kim Bồng (xã Cẩm Kim) và Trà Quân (xã Cẩm Thanh) của Hội An.

Thợ gốm làng Thanh Hà rất khéo tay làm đồ gia dụng trang trí, đồ đựng, đồ nấu cung cấp nhiều mặt hàng có chất lượng tốt cho thị trường Hội An và xuất khẩu qua nhiều nước.

Hội An và vùng phụ cận có nhiều nhóm thợ chuyên nghề nuôi tằm dệt lụa, làm các loại bánh, đèn sập, chế biến dược liệu để phục vụ cho thị trường Hội An mà vào cuối thế kỷ XVII, Thích Đại Sán đã đánh giá: “Vì Hội An là một mã đầu lớn, nơi tập hợp của khách hàng các nước, thẳng bờ sông, một con đường dài ba bốn dặm⁽¹³⁾, gọi là Đại Đường Cái, hai

bên đường hàng phố liền nhau khít rịt, chủ phố thầy là người Phúc Kiến, vốn ăn mặc theo lối tiền triều (nhà Minh). Phần đông phụ nữ coi việc buôn bán. Những khách trú ở đây hay cưới vợ bản xứ cho tiện việc thương mại. Cuối đường là cầu Nhật Bản, tức Cẩm Phô; cách bờ bên kia là Trà Nhiêu, nơi đình bạc của các tàu ngoại quốc. Nhân dân đông đúc cá tôm rau quả tập hợp mua bán suốt ngày. Thuốc bắc hay các món khác tìm mua ở Thuận Hóa không có thì người ta vào mua ở đây⁽¹⁴⁾.

Các nguồn sử liệu cho biết vào những thập niên đầu của thế kỷ XVII, phố cảng Hội An đã được xác lập và thịnh đạt. Giáo sĩ Cristoforo Borri từng sống ở Hội An và vùng kế cận trong những năm 1618-1623, cho biết: "Chúa Đàng Trong xưa kia⁽¹⁵⁾ cho người Nhật, người Tàu chọn một địa điểm và nơi thuận lợi để lập phố cho tiện việc buôn bán"⁽¹⁶⁾.

Trong ba thập kỷ đầu của thế kỷ XVII, cùng với phố Hội An của người Việt, có phố Nhật, phố Khách được thành lập và hoạt động thương mại tại chỗ, vào năm 1636, tại Hội An, chúa Nguyễn Phúc Lan còn cho người Hà Lan lập thương điểm để tạo điều kiện cho Công ty Đông Ấn Hà Lan phát triển kinh doanh tại Đàng Trong⁽¹⁷⁾.

Từ nửa sau thế kỷ XVII, phố Nhật ở Hội An suy tàn dần vì rất nhiều người Nhật sinh sống

tại đây buộc phải quay về nước, số người Nhật di dân mới cũng không được bổ sung, thuyền buôn Nhật Bản cũng thưa thớt dần sau khi Mạc phủ ban hành lệnh tỏa quốc (1639). Tuy thế, một số thương gia vẫn còn ở lại trong phố Nhật tại Hội An và qua đời ở đây, nay vẫn còn bia mộ trên đất thành phố Hội An, như: Ông Jani Yajorobei, có niên đại trên bia là 1647, mộ chôn tại cánh đồng Trường Lệ, phường Cẩm Châu; Ông Banjiro, năm 1665, mộ chôn tại đất An Mỹ, phường Cẩm Châu; Ông Gusokukun, năm 1629, mộ chôn tại khối An Phong, phường Tân An⁽¹⁸⁾.

Sau cái chết của thương gia Gusokukun, có ý nghĩa gần như kết thúc vai trò của phố Nhật tại Hội An, 6 năm sau, thương nhân người Anh Thomas Bowyear đến Hội An cũng chỉ thấy Hội An: "Là một con đường phố, dọc theo sông, có hai dãy nhà, khoảng chừng 100 ngôi nhà của người Trung Hoa, ngoại trừ bốn hoặc năm gia đình người Nhật. Mấy người Nhật này, ngày xưa là cư dân chính yếu và là những người làm chủ việc buôn bán tại cảng. Nhưng vì số người giảm đi và việc buôn bán của họ sa sút, nay việc buôn bán là do người Trung Hoa"⁽¹⁹⁾.

- Một trong những kiến trúc sớm nhất và tiêu biểu của người Hoa thời Minh Hương là miếu thờ Quan Công tại Hội An có niên đại năm 1653⁽²⁰⁾, nay ở vị trí đối diện

chợ Hội An⁽²¹⁾, gần đó là Dương Thương Hội Quán⁽²²⁾ là hội quán chung của Hoa thương tại phố cảng Hội An thời Minh Hương còn gọi Ngũ Bang hội quán.

Quan Công miếu Hội An được thành lập vào năm Quý Ty niên hiệu Khánh Đức, tức vào năm 1653. Năm đó, làng Minh Hương đã thành lập và các viên chức của xã đã có công xây dựng ngôi miếu này và Hội quán Minh Hương Tuy Tiên đường⁽²³⁾. Như vậy, làng Minh Hương Hội An ra đời trước năm 1653. Trước hơn tất cả các làng Minh Hương sớm của người Trung Quốc ở hải ngoại mà thông thường chỉ ra đời trong khoảng thời gian từ năm 1654-1661, năm triều Thanh bắt đầu cho phong tỏa đại lục, số lưu dân này không còn cơ hội về nước nên lập nên các cộng đồng Minh Hương⁽²⁴⁾. Đó là trường hợp, người Hoa ở Phiên Trấn (Sài Gòn - Chợ Lớn) chính thức được chúa Nguyễn thành lập Minh Hương xã vào năm 1698⁽²⁵⁾.

Trong một thống kê về số ghe thuyền người Hoa xuất bến trong hơn nửa thế kỷ từ năm 1647 cho biết số thuyền thuyền đến Hội An là cao nhất 203 chiếc, sau đó là Xiêm 138, Campuchia 109, Indonesia 90, Đàng Ngoài 63...⁽²⁶⁾.

2. Hội An thời Tây Sơn

Năm 1773, sau khi chiếm phủ thành Quy Nhơn, Nguyễn Nhạc cho nghĩa quân đánh ra vùng Quảng Nam, người Quảng nô nức theo Tây Sơn trong đó có cả lực

Mộ và bia mộ thương gia Nhật Bản Tani Yajirobei, có niên đại trên bia là 1647. Ảnh: Trung tâm BTDTTHA



Mộ thương gia Gusokukun, năm 1629, khối An Phong, phường Tân An. Ảnh: Võ Hồng Việt





Mộ Đô đốc Nguyễn Đức Lễ, một tướng lĩnh thời Tây Sơn. Ảnh: Võ Hồng Việt

lượng thương nhân người Hoa ở Hội An. Trong số này có hai viên tướng người Hoa là Tập Đình và Lý Tài lập hai đội Trung Nghĩa quân và Hòa Nghĩa quân, chọn dinh Quảng Nam làm sở chỉ huy.

Đầu năm 1775, quân Trịnh chiếm được thành Phú Xuân. Thừa thắng trong trận Phú Xuân, Hoàng Ngũ Phúc, tướng chỉ huy quân Trịnh đánh vào đất Quảng Nam.

Nguyễn Nhạc từ Hội An nghe tin mang quân đến sông Cẩm Lệ cố chống giữ. Bị tượng binh quân Trịnh tấn công, Tây Sơn thua trận. Thủy quân Tây Sơn rút về phía biển của Đại, Nguyễn Nhạc chỉ huy bộ binh cũng theo hướng Quảng Ngãi để lui quân, hai viên tướng thiện chiến người Hoa là Tập Đình và Lý Tài chỉ huy hai đội quân Trung Nghĩa và Hòa Nghĩa thất trận cũng bỏ trốn.

Ngày Tết Đoan Ngọ (mùng 5 tháng 5 năm Ất Mùi), tức ngày 2 tháng 6 năm 1775, quân Trịnh đã có mặt Hội An.

Lưu dấu về đội quân này, hiện nay tại bãi đường Quan Công miếu Hội An còn lưu lại ba bài thơ, trong đó có bài thơ họa của Xuân Quận công Nguyễn Nghiễm²⁷ với Đô thị Nguyễn Lệnh Tân và Uông Sĩ Điển có mặt tại Quan Công miếu Hội An vào

mùa hè năm 1775 là một chứng tích quý hiếm về các tướng lĩnh quân Trịnh tại Hội An.

Trong di sản thơ văn của Nguyễn Nghiễm viết về Hội An có bài *Sư đề Hội An phố, đề Quan Phu tử miếu* là vô giá.

Ngày 25 tháng 10 năm 1775, Hoàng Ngũ Phúc cùng quan quân trở về Phú Xuân, Nguyễn Nhạc cho quân chiếm lại đất Quảng Nam trong đó có Hội An. Nguyễn Nhạc sai người ra Phú Xuân để đòi lại đất Quảng Nam, chúa Trịnh Sâm không muốn chiến tranh tiếp diễn nên đã đồng ý và trao cho Nguyễn Nhạc chức “Quảng Nam Trấn thủ Tuyên úy Đại sứ, phong Nhạc tước Cung Quốc công”²⁸.

Quảng Nam trở thành vùng đất thuộc về quyền kiểm soát Tây Sơn cho đến ngày Nguyễn Huệ đưa nghĩa quân từ Quy Nhơn ra đánh chiếm Phú Xuân - Thuận Hóa vào mùa hè năm 1786, rồi thuộc về đất của Bắc Bình vương Nguyễn Huệ trong các năm 1786-1788.

Trên trục đường Trần Phú hiện nay tìm thấy nhiều văn bản kê khai đất đai vào tháng 11 năm Thái Đức thứ 8 (1785) của các chủ đất: Huỳnh Tứ Nương, Huỳnh Trần Nương, Huỳnh Khoan Nương, Trương Thị Thái, Hứa

Thị Hiếu²⁹. Chúng tôi đến trước năm 1785, triều đình Thái Đức đã kiểm soát toàn bộ phần đất từ đèo Hải Vân trở về phía Nam nên không còn sử dụng niên hiệu Cảnh Hưng như trước đó.

Tư liệu Hội An dưới thời vua Quang Trung và Cảnh Thịnh còn lại rất hiếm nên rất khó hình dung diện mạo Hội An trong giai đoạn này. Tuy nhiên, những thông tin của John Barrow trong chuyến du hành xứ Nam Hà vào năm 1792-1793, thời điểm cuối đời Quang Trung đầu đời Cảnh Thịnh cho biết nhiều chi tiết đáng lưu ý.

John Barrow rất lưu ý đến lợi thế của Cù Lao Chàm như là một trấn sơn chiến lược của thương trường quốc tế Hội An. Ông viết: “Một hòn đảo nhỏ có tên *Callao* nằm cách phía nam vịnh *Turon* chừng 30 dặm cũng được liệt vào các phần nhượng địa. Hòn đảo này hoàn toàn kiểm soát của nhánh chính con sông mà *Faifo* - trước đây là nơi buôn bán chính của nền ngoại thương”³⁰.

John Barrow còn cho biết dưới thời Tây Sơn việc khai thác yến sào và các sản vật tại quần đảo Hoàng Sa vẫn được chính quyền sở tại cho thực hiện bằng những đội thuyền chuyên nghiệp: “Và những thuyền đi thu lượm giống *Trepan* (hải sâm) và những tổ chim yến trong quần đảo có tên gọi *Paracels* (Hoàng Sa) thuộc nhiều loại được mô tả khác nhau”³¹.

Tuy nhiên, qua cơn binh lửa dưới thời quân Trịnh và Tây Sơn (1775-1792), John Barrow cho biết Hội An, Đà Nẵng vẫn còn nhiều đồng đồ nát chưa thể khôi phục được: “Rõ ràng qua cơn binh lửa của những cuộc nổi dậy vừa qua, vùng này đã phải hứng chịu nhiều tàn phá. Bằng chứng là những đồng đồ nát của những tòa nhà còn trông thấy hiện nay; là mặt đất gồ ghề, chúng tôi rằng trước đây ở đó đã tồn tại những thành quách, đồn lũy mà theo viên sĩ quan của chúng tôi từng bị bắt giữ kể lại

thì ở *Faifo* những công trình đó vẫn còn trông thấy được và còn rộng lớn hơn; là những gì còn lại của vườn tược và đồn điền trồng hoa và cây ăn quả. Tất cả giờ đây trở nên hoang phế, không còn để lại dấu tích gì của sự trù phú trước đây hoặc gợi cho chúng ta ấn tượng về một cảnh huy hoàng bị tàn lụi⁽³²⁾.

Tuy nhiên, đất nước sau năm 1793, khi vua Quang Trung đã qua đời, rồi Thái Đức - Nguyễn Nhạc cũng chết, vua Cảnh Thịnh lên ngôi chỉ mới 12 tuổi, việc triều chính giao cho Thái sư Bùi Đắc Tuyên định đoạt. Trong nước từ đó xảy ra nhiều biến cố cung đình, mâu thuẫn nội đình trở nên sâu sắc, nhiều vụ tranh chấp triều chính rất quyết liệt làm vua Cảnh Thịnh bất lực. Lợi dụng sự mâu thuẫn nghiêm trọng trong triều đình Phú Xuân, Nguyễn Ánh sau năm 1793, từ đất Gia Định bắt đầu đánh ra vùng kiểm soát của Tây Sơn, uy hiếp Quy Nhơn rồi đánh ra vùng đất Quảng. Sử triều Nguyễn cho biết: "Mùa hạ năm Đinh Tỵ (1797), quân ta đánh Quy Nhơn chưa hạ được, thủy quân lại tiến đến Quảng Nam, Đà Nẵng, Cầu Đê, Hải Vân"⁽³³⁾.

Năm 1799, Nguyễn Ánh cho quân chiếm Quy Nhơn, vua Cảnh Thịnh cử quân tăng viện nhưng biết không thể thay đổi được tình thế nên đành lui quân về giữ đất Quảng Nam và giữ được hai năm, Hội An rơi vào tay của quân chúa Nguyễn.

Làng mạc Hội An ra đời từ thời Lê, đến thế kỷ XVII dưới thời các chúa Nguyễn, Hội An là đô thị phát triển, trung tâm thương mại thịnh vượng của đất nước. Dưới thời quân Trịnh - Tây Sơn - Nguyễn Ánh, Hội An là nơi đóng quân của cấp chỉ huy, nên ở đây đã xảy ra các trận đánh ác liệt, đô thị Hội An bị tàn phá, kinh tế thương nghiệp sa sút, làm ảnh hưởng đến sự phát triển của thương cảng Hội An.■

CHÚ THÍCH:

1. Dương Văn An, *Ô châu cận lục*, hiệu đính - dịch chú Trần Đại Vinh, Nxb. Thuận Hóa - Sở Khoa học, Công nghệ Quảng Bình, 2015, tr.67.
2. Sau đổi làm Hoa Phố.
3. Sau đổi làm Cẩm Phố.
4. Sau đổi tên là Sơn Phố, nay là phường Sơn Phong của thành phố Hội An.
5. Túc Tân Hiệp ở Cù Lao Chàm.
6. Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học, Hà Nội, 1964, tr.82, 83, 88, 89, 92.
7. Đỗ Bang, *Phố cảng Hội An - thời gian và không gian lịch sử, Kỹ yếu Hội nghị khoa học về khu phố cổ Hội An, 23-24/7/1985*, Ủy ban Nhân dân thành phố Hội An - Trung tâm quản lý bảo tồn di tích, xuất bản, 2018, tr.69.
8. Từ số thứ tự 1-10 thuộc tổng Phú Chiêm Hạ, huyện Diên Khánh, phủ Điện Bàn.
9. Từ số thứ tự 11-13, thuộc Vông Nhi, huyện Hòa Vang.
10. Thuộc Hoa Châu, huyện Duy Xuyên.
11. Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Sđd, tr.119-120.
12. Lê Quý Đôn (1964), *Phủ biên tạp lục*, Sđd, tr.252.
13. Khoảng 2,5 - 3km.
14. Thích Đại Sán (1963), *Hải ngoại ký sự*, Bản dịch, Viện Đại học Huế, tr.154.
15. Ý nói thời chúa Nguyễn Hoàng.
16. Cristophoro Borri (1998), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.92.
17. Tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia Hà Lan trong các công hàm, quốc thư giao dịch vào năm 1636 giữa chúa Nguyễn và Công ty Đông Ấn Hà Lan (VOC) trong đó có nhiều bản sao chữ Hán và bản dịch từ chữ Hán của chúa Nguyễn Phúc Lan (Trương Quốc Bình, John Kleinen (1991), *Tư liệu VOC về quan hệ giữa Công ty Đông Ấn Hà Lan và chúa Nguyễn trong thế kỷ XVII- XVIII*, trong *Đô thị cổ Hội An*, tr.72).
18. Khảo sát của tác giả và cộng

tác viên ngày 6 tháng 7 năm 2016.

19. Cadière L (1920), *Les Eropéens qui ont vu le vieux Huế*, Thomas Bowyear, BAVH, Bản dịch (2001), *Những người châu Âu đã thấy Huế xưa*, Nxb. Thuận Hóa, tr.250.

20. Ở chính điện của miếu Quan Công còn lưu giữ tấm biển sơn đồ, mạ vàng với các dòng chữ:

Khánh Đức Quý Ty niên cốc đán thư

Tam giới phục ma đại đế

Sắc phong

Thần oai viễn chấn thiên tôn

Minh Hương viên quan các chức đồng xã lập.

21. Địa chỉ: 24 Trần Phú, thành phố Hội An.

22. Về sau gọi Trung Hoa hội quán hay Hội quán Ngũ Bang, địa chỉ: 64 Trần Phú, thành phố Hội An.

23. Địa chỉ: 14 Trần Phú, thành phố Hội An.

24. Chen Chinh Ho (1960), "Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và cổ tích tại Hội An", *Khảo cổ tập san*, Sài Gòn, tr.17.

25. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, t.1, tr.111.

26. Li Tana (2014), *Xứ Đàng Trong - Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.114.

27. Thân sinh của Đại thi hào Nguyễn Du.

28. *Đại Nam Chính biên liệt truyện: Nhà Tây Sơn*, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa, Sài Gòn, 1970, tr.40-41.

29. Đỗ Bang (1996), *Phố cảng vùng Thuận Quảng thế kỷ XVII-XVIII*, Nxb Thuận Hóa, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, tr.84.

30. J. Barrow, *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792-1793)*, bản dịch Nguyễn Thừa Hỷ, Nxb Thế giới, 2008, tr.108.

31. J. Barrow, *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792-1793)*, Sđd, tr.92.

32. J. Barrow, *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792-1793)*, Sđd, tr.84-85.

33. *Đại Nam Chính biên liệt truyện: Nhà Tây Sơn*, Sđd, tr.191.